

Cao Bằng, ngày 17 tháng 6 năm 2024

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 22

Phần CI - Xây dựng Đảng

Ngày thi: 26/5/2024

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Nông Thị Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	41	Ngô Thị Ngọc Linh	8,00	Tám
2	Nông Thị Ao	6,50	Sáu phẩy năm	42	Hoàng Thị Mai	8,00	Tám
3	Nông Thị Bạch	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nguyễn Phương Mai	8,00	Tám
4	Lục Thị Châm	7,00	Bảy	44	Nông Thị Niệm	8,00	Tám
5	Lê Kiên Chung	7,50	Bảy phẩy năm	45	Dương Thị Ngân	8,00	Tám
6	Hoàng Thị Chuyên		Thôi học	46	Phạm Thị Nhân	7,75	Bảy phẩy bảy năm
7	Phan Đoàn Dân	7,50	Bảy phẩy năm	47	Triệu Thị Nháy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
8	Hà Thị Phương Dung	7,50	Bảy phẩy năm	48	Phùng Tồn Nhất	7,00	Bảy
9	Vi Thị Dung	8,25	Tám phẩy hai năm	49	Chu Thị Nhậ	8,00	Tám
10	Bế Thị Dung	7,00	Bảy	50	Hoàng Thị Nhiệm	7,50	Bảy phẩy năm
11	Luân Tuấn Đạt	7,00	Bảy	51	Nông Thị Hồng Nhung	7,75	Bảy phẩy bảy năm
12	Nông Tiến Đạt	8,00	Tám	52	Phạm Thị Lưu Như	7,00	Bảy
13	Trần Văn Đạt	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Thảm Thị Phúc	8,00	Tám
14	Lưu Chí Đức	7,00	Bảy	54	Hoàng Thúy Quỳnh	7,75	Bảy phẩy bảy năm
15	Tô Thị Giang	8,00	Tám	55	Hứa Mạnh Toàn	7,00	Bảy
16	Đào Thị Hạnh	8,00	Tám	56	Đỗ Thị Thanh Tú	7,75	Bảy phẩy bảy năm
17	Chu Thị Hào	7,50	Bảy phẩy năm	57	Phùng Ngọc Tú	7,50	Bảy phẩy năm
18	Hoàng Thị Tú Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	58	Mông Tô Tuyên	7,00	Bảy
19	Hoàng Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	59	Nông Văn Tư	7,25	Bảy phẩy hai năm
20	Nông Trung Hiếu	8,25	Tám phẩy hai năm	60	Lâm Đức Thành	7,00	Bảy
21	Hà Thị Hoa	8,00	Tám	61	Lôi Thị Thao	8,00	Tám
22	Đàm Thị Phương Hoài	8,00	Tám	62	Lý Thị Thảo	7,75	Bảy phẩy bảy năm

23	Mã Xuân Hợp	8,00	Tám	63	Lâm Thu Thiều	7,00	Bảy
24	Lý Thị Hợp	7,75	Bảy phẩy bảy năm	64	Chu Thị Thom	7,00	Bảy
25	Trịnh Minh Huệ	8,25	Tám phẩy hai năm	65	Phạm Bằng Thuận	7,00	Bảy
26	Nông Lý Huệ	8,00	Tám	66	Hà Thị Thu	8,25	Tám phẩy hai năm
27	Hoàng Mạnh Hùng	7,50	Bảy phẩy năm	67	Lương Thị Thanh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
28	Hà Văn Huy	8,00	Tám	68	Hoàng Thu Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
29	Hoàng Văn Hưng	7,50	Bảy phẩy năm	69	Trần Thị Thu Thúy	8,00	Tám
30	Nông Thị Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	70	Nông Thị Thúy	7,00	Bảy
31	Đàm Thị Thu Hương	7,75	Bảy phẩy bảy năm	71	Lê Thị Thương	8,00	Tám
32	Hứa Thị Hương	7,50	Bảy phẩy năm	72	Nguyễn Thị Trang	7,75	Bảy phẩy bảy năm
33	Ma Nông Hữu	6,50	Sáu phẩy năm	73	Chu Thị Huyền Trang	7,50	Bảy phẩy năm
34	Nông Thị Kiều	8,00	Tám	74	Triệu Thị Trâm	7,75	Bảy phẩy bảy năm
35	Vương Văn Khuyên	7,25	Bảy phẩy hai năm	75	Bàn Hữu Trung	6,50	Sáu phẩy năm
36	Lục Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	76	Hoàng Lê Vân	8,00	Tám
37	Nông Hồng Lanh	8,00	Tám	77	Trần Văn Việt	7,00	Bảy
38	Long Thị Lãnh	7,50	Bảy phẩy năm	78	Hoàng Văn Vinh	6,50	Sáu phẩy năm
39	Nông Văn Lâm	7,50	Bảy phẩy năm	79	Hoàng Xuân Vũ	7,00	Bảy
40	Nguyễn Thị Tú Lệ	8,25	Tám phẩy hai năm	80	Hoàng Thị Hải Yến		<i>Thôi học</i>

Điểm 6,50: 04 điểm; Điểm 7,00: 15 điểm; Điểm 7,25: 3 điểm; Điểm 7,50: 16 điểm; Điểm 7,75: 14 điểm; Điểm 8,00: 21 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Hằng

Đoàn Thị Vân Thủy



Trịnh Thị Ánh Hoa